

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2023
(V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Tự Trị
- Ông Lê Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng
6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023,
Quyết định hoãn phiên tòa số 52 ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 148 ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: KV Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần
Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thoa: Bà **Đông Thị Ngọc H**, sinh năm 1995
(có mặt)

Địa chỉ: Khu vực Thới Bình A, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố
Cần Thơ.

- Bị đơn: ông **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: KV Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: KV Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: KV Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. **Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô Môn** (vắng mặt)

Địa chỉ: phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày có nội dung sau:

Bà với ông H kết hôn với nhau từ năm 1978 đến nay, có đăng ký kết hôn với nhau, đến nay vợ chồng có 03 người con đều đã trưởng thành. Đến năm 2000 thì ông H bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, do không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Vợ chồng không có nợ chung, có 03 con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung thì vợ chồng có tài sản chung là thửa đất 1195, nguồn gốc thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 02, diện tích 1195 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00319 do UBND quận Ô Môn cấp ngày 30/6/2010 đứng tên ông Nguyễn Trung H (gọi tắt là thửa 1195) là của nhà chồng bà cho tặng vợ chồng ông bà và khoảng năm 1978 khi bà về sinh sống với ông H. Lúc về sinh sống với ông H trên thửa đất 1195 thì chỉ có căn chòi lá. Đến năm 1984 thì vợ chồng bà cất nhà gạch trên thửa đất 1195 để sinh sống, khi cất xong thì nền nhà vẫn là nền đất, nhà còn thiếu thốn nhiều thứ, sinh sống tại căn nhà trên đến năm 1995 thì có sửa chữa làm nền nhà, tôn tạo thêm và ở đến nay. Sau khi cất nhà sinh sống trên thửa đất 1195 được một thời gian đến khoảng năm 2000 thì ông H bỏ nhà đi cho đến nay gần 23 năm. Vào năm 2010 thì có tách thửa 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất 1195 cho con gái là Nguyễn Anh T.

Nay bà yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tiền bồi thường đối với phần đất có diện tích 614,7 m² (hoặc $\frac{1}{2}$ diện tích thuộc vị trí B của bản trích đo địa chính số 1173 ngày 13/10/2023), yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị bồi thường căn nhà gạch trên thửa đất 1195 và yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với diện tích đất thuộc vị trí C và một phần diện tích thuộc vị trí A của Bản trích đo địa chính là 548 m².

Đối với phần tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với chuồng gà, ao cá và cây trồng là của anh Nguyễn Trung H nên giao cho anh Nguyễn Trung H.

** Bị đơn trình bày như sau:*

Nguồn gốc thửa đất 1195 là của bà ngoại ông để lại cho mẹ ông là Lê Thị Nở (đã chết), sau đó bà Nở cho lại anh ruột ông là Nguyễn Trung Báo (đã chết), rồi ông Báo cho lại ông vào khoảng trước năm 1978 (trước khi lấy vợ, khi lấy vợ thì cha mẹ đã mất, do ông Báo cưới vợ cho ông).

Sau khi cưới bà Thoa năm 1978 thì vợ chồng ông bà có căn nhà lá sinh sống trên thửa đất năm 1978. Đến khoảng 1984 thì vợ chồng ông cất nhà ở là căn nhà hiện nay đang tranh chấp. Đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn nên ông bỏ nhà đi cho đến nay.

Đến năm 2010 thì ông và bà Thoa có cất 01 phần diện tích thửa 1195 cho con gái là Nguyễn Anh T là 321,5 m². Hiện trạng hiện nay trên phần đất có 02 cái mộ, 01 cái là ông Ngoại tên Nguyễn Đạo Điền, mộ thứ 02 là mộ của anh ruột tên Nguyễn Trung Báo.

Nay đối với yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến. Ông và bà Thoa đã ly thân gần 20 năm. Không có nợ chung, có 03 con chung đã trưởng thành.

Đối với yêu cầu chia thửa đất 1195, chia căn nhà trên thửa đất 1195 và chia tiền bồi thường, hỗ trợ thì ông không đồng ý. Vì đây là tài sản cá nhân ông, đất do cha mẹ ông để lại.

Đối với phần tiền được bồi thường, hỗ trợ chuồng gà, ao cá và cây trồng là của anh Nguyễn Trung H nên ông H đồng ý giao cho anh Hòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoà Trình bày:*

Phần cây trồng, chòi, chuồng gà trên thửa 1195 là của ông trồng và xây cất nên khi được bồi thường ông yêu cầu được nhận tiền bồi thường là 19.898.240 đồng.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn trình bày:

Yêu cầu được ly hôn với ông H, có 03 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung thì yêu cầu chia đôi thửa đất 1195 theo hướng đối với phần diện tích đất bị nhà nước thu hồi và bồi thường là 1.226.836.000 đồng, bà yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$; đối với diện tích đất còn lại bà yêu cầu được nhận hiện vật gồm 154,5 m² phần vị trí C và 548,2 m² thuộc vị trí A của Bản trích đo địa chính. Yêu cầu nhận tiền bồi thường với phần giá trị căn nhà và công trình, vật kiến trúc là 869.591.573 đồng.

Thống nhất giao ông Hoà tiền bồi thường giá trị bồi thường cây trồng và giá trị chuồng gà là 45.663.600 đồng (theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

- Bị đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì thửa đất 1195 của cha mẹ ông để lại cho ông nên không đồng ý chia. Đồng ý chia đôi căn nhà và giao tiền bồi thường cây trồng, vật kiến trúc cho ông Hoà là 45.663.000 đồng. Về ly hôn thì không có ý kiến.

- Ông Hoà trình bày:

Thống nhất nhận số tiền bồi thường là 45.663.600 đồng (theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng bà Thoa ly hôn với ông H, chia đôi số tiền bồi thường 1.226.836.000 đồng (mỗi người nhận 869.591.573 đồng), chia đôi thửa đất 1195 còn lại theo hiện vật (mỗi người nhận 702,6 m²), chia giá trị căn nhà theo hướng giao 70% giá trị nhà cho bà Thoa, 30% giá trị nhà cho ông H. Giao số tiền 2.700.000 đồng và 19.898.240 đồng tiền bồi thường công trình kiến trúc trên đất và chi phí hỗ trợ di dời cho bà Thoa.

- Giao số tiền bồi thường 45.663.600 cho ông Hoà.

- Ghi nhận về chi phí tố tụng nguyên đơn chịu và miễn án phí cho nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông H và yêu cầu chia tài sản chung thừa đất 1195 nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung. Đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại quận Ô Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Ô Môn theo Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Thoa và ông H thống nhất với nhau và về chung sống từ năm 1978, không nhớ có đăng ký kết hôn hay không nhưng việc ông H bà Thoa sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1978 được xem là hôn nhân thực tế và là hôn nhân hợp pháp.

Giữa nguyên đơn và bị đơn đã không sống chung từ năm 2000, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Từ năm 2000, giữa bà Thoa và ông H không ai chăm sóc, lo lắng cho ai, tự tìm thu nhập sinh sống cho thấy đã có sự bỏ mặc nhau. Do đó, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế nên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thoa. Về con chung thì cả 03 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là thừa đất 1195.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Thoa và ông H đều thống nhất vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1978, có người con chung đầu tiên là bà Thư, sinh năm 1979. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của bà Thoa và ông H được xác lập vào năm 1978. Thời điểm này Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực điều chỉnh là Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Theo Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*” nên thừa đất số 1195 cho dù là tài sản có trước hay sau khi kết hôn đều là tài sản chung của vợ chồng. Hơn nữa, khi bà

Thoa và ông H cưới nhau vào năm 1978 đã cất nhà ở trên thửa đất 1195 từ năm 1979 nên Hội đồng xét xử nhận định thửa đất 1195 là tài sản chung của vợ chồng. Bà Thoa yêu cầu chia thửa đất 1195 là có căn cứ.

Hiện tại, thửa đất 1195 đã được thu hồi một phần 609,2 m² và bồi thường số tiền 1.226.836.000 đồng nên chia đôi số tiền này cho bà Thoa và ông H. Mỗi người được nhận 613.418.000 đồng.

Đối với tiền bồi thường căn trên thửa đất 1195 là 234.575.334 Đồng, nguyên đơn yêu cầu được nhận toàn bộ. Hội đồng xét xử nhận thấy căn nhà trên có nguồn gốc từ việc bà Thoa, ông H cùng xây cất năm 1984, sau đó đến năm 1995 là Thoa là người tôn tạo, sửa chữa, giữ gìn căn nhà trên cho đến nay và ông H cũng không sinh sống tại căn nhà trên từ năm 2000. Cho thấy, công sức đóng góp của bà Thoa trong xây cất, sửa chữa, tu bổ, giữ gìn căn nhà trên nhiều hơn so với ông H nên bà Thoa được hưởng 70% giá trị căn nhà là 234.575.334 Đồng x 70% = 164.202.733 Đồng. Ông H nhận 30% giá trị căn nhà là 70.372.601 đồng.

Đối với tiền bồi thường cây trồng và giá trị chuồng gà trên thửa đất 1195 là 45.663.600 đồng. Bà Thoa, ông H, ông Hoà đều xác định là của ông Hoà và thống nhất giao cho ông Hoà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tiền bồi thường nhà tạm, vật kiến trúc (trừ chuồng gà) còn lại của bà Thoa nên bà Thoa được nhận số tiền là 19.898.240 đồng.

Về số tiền 2.700.000 đồng tiền tháo dỡ thì do bà Thoa là người đang sinh sống tại căn nhà trên thửa đất 1195 nên bà Thoa có nghĩa vụ tháo dỡ vì vậy bà Thoa được nhận số tiền này.

Tổng các khoản tiền bà Thoa được nhận là 800.218.973 đồng.

[2.3] Về diện tích đất còn lại của thửa 1195, sẽ chia đôi cho các bên theo hiện vật. Cụ thể, sau khi xem xét điều kiện thực tế, hoàn cảnh của các bên cũng như nhu cầu sử dụng của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao cho bà Thoa phần diện tích đất 154,5 m² ghi chú C và 548,2 m² của phần ghi chú A. Giao cho ông H phần đất có diện tích 702,6 m² còn lại (có mô tả kèm theo Bản trích đo địa chính).

Từ những nhận định trên cho thấy toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng nên ghi nhận.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung H được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Khoản 2 Điều 91; Điều 92; Điều 95; Điều 157; Điều 207; Điều 227; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Trung H ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Kim T được nhận số tiền 800.218.973 đồng (Tám trăm triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) tại Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

Ông Nguyễn Trung H được nhận số tiền 683.790.601 đồng (Sáu trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm lẻ một đồng) tại Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

Ông Nguyễn Trung Hoà được nhận số tiền 45.663.600 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng) tại Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T phần diện tích đất gồm 154,5 m² (ghi chú C) và 548,2 m² (ghi chú A) thuộc thửa 1195, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà Thoa được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. (có Bản trích đo địa chính kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Trung H phần diện tích đất còn lại là 702,6 m² (ghi chú D) thuộc thửa 1195, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực Tân Qui, phường Trường

Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Ông H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. (có Bản trích đo địa chính kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 7.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

3. Về án phí:

Miễn án phí cho ông H, bà Thoa do là người cao tuổi.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THA Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Thái